

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 51/2020/DS-ST

Ngày: 08-12-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Thuỷ**

Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

-Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Đỗ Văn Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXX-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Vũ Hồng A**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố 3, phường LT, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Phan Văn B** sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn ĐL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia tố tụng (*có mặt*).

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị C**, sinh năm 1973; **Ông Mai Thanh D**, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: thôn ĐÁ, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2020 của nguyên đơn ông Vũ Hồng A, Bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Vũ Hồng A là ông Phan Văn B có nội dung như sau:

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2019 (dương lịch), ông Vũ Hồng A có cho vợ chồng ông Mai Thanh D và bà Phạm Thị C vay số tiền là 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Lúc vay tiền, giữa ông Vũ Hồng A với vợ chồng ông Mai Thanh D, bà Phạm Thị C có lập 01 “*giấy vay tiền*” do ông D, bà C có ký tên vào phần “*người vay*”. Hai bên thống nhất không ghi lãi suất vào giấy vay tiền này mà tự thỏa thuận

bằng miệng với nhau với mức lãi là 03%/01 tháng, thời hạn vay từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 dương lịch đến ngày 01 tháng 01 năm 2020 dương lịch và không thế chấp tài sản. Từ khi vay cho đến nay, vợ chồng ông D, bà C chưa trả cho ông A được một khoản tiền gốc và lãi nào, mặc dù ông A có đi đòi nhiều lần. Nay, ông B đại diện theo uỷ quyền của ông A yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông D, bà C phải có trách nhiệm trả cho ông A số tiền gốc đã vay là 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/01 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 dương lịch đến khi xét xử xong vụ án.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là bà Phạm Thị C có lời khai trình bày như sau:

Tôi không nhớ rõ thời gian nhưng vào khoảng năm 2014 vợ chồng tôi có vay của ông Vũ Hồng A nhiều lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) nhưng không có làm biên nhận, mục đích vay là để làm ăn có hạn đến mùa điều sẽ trả, chúng tôi có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và không thế chấp tài sản. Vợ chồng tôi đã trả cho ông A được 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền gốc và 252.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu đồng*) tiền lãi và có làm biên nhận khấu trừ. Đến ngày 01 tháng 10 năm 2019 ông A đến nhà tôi chốt nợ, trong đó có 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) là tiền gốc và 62.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*) là tiền lãi và thỏa thuận bớt 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) nên còn lại 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và viết lại một giấy chốt nợ mới thành 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và đưa cho vợ chồng tôi ký tên vào phần người vay. Nay ông A khởi kiện vợ chồng tôi ra Tòa thì vợ chồng tôi đồng ý trả nợ cho ông A với số tiền nợ còn lại là 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) vào tháng 4 năm 2021 và yêu cầu không tính lãi suất.

Ông Mai Văn D vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Hồng A. Buộc Ông Mai Thanh D và bà Phạm Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Hồng A số tiền là gốc là 260.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu tính lãi suất do đại diện nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:

Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn ông Vũ Hồng A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn bà Phạm Thị C và ông Mai Thanh D có địa chỉ cư trú tại thôn ĐÁ, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là ông Mai Thanh D, bà Phạm Thị C vắng mặt, mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông D, bà C nhưng ông D, bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Việc ông D, bà C vắng mặt là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Tại phiên tòa, ông Phan Văn B đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Hồng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là bà Phạm Thị C và ông Mai Thanh D có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền gốc vay 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*), Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt ông D, bà C, nhưng căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 01 tháng 10 năm 2019 do bà C, ông D ký tên ở phần người vay. Hơn nữa, quá trình thu thập chứng cứ, bà C trình bày: khoảng năm 2014 vợ chồng bà có vay của ông Vũ Hồng A nhiều lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) nhưng không có làm biên nhận, mục đích vay là để làm ăn có hạn đến mùa điều sẽ trả, ông bà có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và không thế chấp tài sản. Ông bà đã trả cho ông A được 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền gốc và 252.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu đồng*) tiền lãi và có làm biên nhận khấu trừ. Đến ngày 01 tháng 10 năm 2019 ông A đến nhà ông bà chốt nợ, trong đó có 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) là tiền gốc và 62.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*) là tiền lãi và thỏa thuận bớt 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) nên còn lại 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và viết lại một giấy chốt nợ mới thành 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), ông A đưa cho vợ chồng ông bà ký tên vào phần người vay.

Xét thấy lời trình bày của bà C trong quá trình thu thập chứng cứ không được

người đại diện theo uỷ quyền của ông A là ông B thừa nhận. Ông B cho rằng, ông A chỉ cho bà C, ông D vay tiền một lần vào ngày 01 tháng 10 năm 2019 với số tiền là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và đến nay chưa trả. Về phía bà C cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc chót nợ gốc và lãi của những khoản vay trước đó khoảng năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự được quy định tại các Điều 385, 401, 463 Bộ Luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, mặc dù ông A đã đi đòi nhiều lần.

Vì vậy, nguyên đơn là ông A do ông B làm đại diện theo uỷ quyền yêu cầu bà C và ông D phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*) là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Trong quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, ông B đại diện cho ông A cũng như bà C đều thừa nhận, mặc dù trong giấy vay tiền lập ngày 01 tháng 10 năm 2019 không thể hiện lãi suất, nhưng các bên có thoả thuận miệng với nhau là 03%/tháng. Quá trình làm việc tại Tòa án, ông B đại diện cho ông A chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà C, ông D phải trả tiền lãi cho ông A theo mức lãi suất là 1,66%/tháng, về phía bà C yêu cầu Tòa án không tính lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa, qua phân tích của HĐXX, ông B đại diện cho ông A rút yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu bà C, ông D trả cho ông A số tiền gốc là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Xét thấy, đây là thiện chí của ông C trên tinh thần tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận yêu cầu này. Do ông C đại diện cho ông A rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi nên cần Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C, ông D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 227; 228; 217 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Hồng A về tranh "Hợp đồng vay tài sản".

2. Tuyên xử:

Buộc bà Phạm Thị C và ông Mai Thanh D phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Hồng A số gốc đã vay là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính lãi của ông Vũ Hồng A.

3. Án phí DSST: Bà Phạm Thị C và ông Mai Thanh D phải nộp 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) cho ông Vũ Hồng A đã nộp theo biên lai thu số 0019265; Quyền số 000386, ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh

